

**BỘ MÔN LUẬT KINH TẾ**

**MÔN HỌC/HỌC PHẦN:**

**PHÁP LUẬT CẠNH TRANH**

**Số tín chỉ: 2**

**Chuyên ngành: Kinh tế - Luật**

# TỔNG QUAN MÔN HỌC

CHƯƠNG 1. Lý luận chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh

CHƯƠNG 2. Pháp luật về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh

CHƯƠNG 3. Pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh

CHƯƠNG 4. Cơ quan quản lý cạnh tranh và tổ tụng cạnh tranh

# CHƯƠNG I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ CẠNH TRANH VÀ PHÁP LUẬT CẠNH TRANH

## **1. Lý luận cơ bản về cạnh tranh**

1.1. Khái niệm, đặc điểm của cạnh tranh

1.2. Các hình thức tồn tại của cạnh tranh

## **2. Khái niệm luật cạnh tranh**

2.1. Lịch sử hình thành, phát triển của luật cạnh tranh

2.2. Khái niệm, phạm vi điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh

2.3. Các nguyên tắc điều chỉnh cơ bản của pháp luật cạnh tranh

2.4. Vai trò của pháp luật cạnh tranh

# CHƯƠNG I. Lý luận chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh

## 1. Lý luận cơ bản về cạnh tranh

1.1. Khái niệm, đặc điểm của cạnh tranh

1.2. Các hình thức tồn tại của cạnh tranh

## 2. Khái niệm pháp luật cạnh tranh

2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật cạnh tranh

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật cạnh tranh

-Tại các nước trên thế giới

-Tại Việt Nam

## 2.2. Khái niệm, phạm vi điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh

### 2.2.1. Khái niệm và cấu trúc của pháp luật cạnh tranh

- Khái niệm pháp luật cạnh tranh:
- Cấu trúc của pháp luật cạnh tranh
  - + Cấu trúc nội dung
  - + Nguồn của pháp luật cạnh tranh

## 2.2.2. Phạm vi điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh

- Phạm vi điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh
  - + Quy định về hành vi hạn chế cạnh tranh.
  - + Quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh.
  - + Quy định về cơ quan cạnh tranh.
  - + Quy định về quy trình tố tụng cạnh tranh
- Phương pháp điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh: phương pháp mệnh lệnh

## 2.3. Các nguyên tắc điều chỉnh cơ bản của pháp luật cạnh tranh

- Nguyên tắc tôn trọng quyền tự do cạnh tranh trong khuôn khổ pháp luật của chủ thể kinh doanh.
- Nguyên tắc ưu tiên áp dụng luật cạnh tranh.
- Nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng

## 2.4. Vai trò của pháp luật cạnh tranh

- Vai trò thứ nhất: Bảo toàn năng lực cạnh tranh thực tế của các doanh nghiệp trên thị trường chứ không trực tiếp tạo ra sức cạnh tranh mới trong nền kinh tế.
- Vai trò thứ hai: Tạo lập môi trường kinh doanh và cạnh tranh tự do, bình đẳng.
- Vai trò thứ ba: Tạo cơ chế và trình tự thủ tục để các chủ thể tham gia thị trường và người tiêu dùng có thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khỏi hành vi xâm hại.

# CHƯƠNG II. PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH

1. Khái quát về hành vi hạn chế cạnh tranh
  - 1.1. Khái niệm, đặc điểm của hành vi hạn chế cạnh tranh
  - 1.2. Thị trường liên quan và thị phần của doanh nghiệp
2. Nội dung điều chỉnh pháp luật đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh
  - 2.1. Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh
  - 2.2. Lạm dụng vị trí thống lĩnh và vị trí độc quyền
  - 2.3. Tập trung kinh tế
3. Xử lý các hành vi vi phạm các quy định pháp luật về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh
  - 3.1. Thẩm quyền và nguyên tắc xử lý hành vi vi phạm
  - 3.2. Các hình thức xử lý đối với hành vi vi phạm

# CHƯƠNG II. PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH

## 1. Khái quát về hành vi hạn chế cạnh tranh

### 1.1. Khái niệm, đặc điểm của hành vi hạn chế cạnh tranh

- Khái niệm hành vi hạn chế cạnh tranh:

- Đặc điểm của hành vi hạn chế cạnh tranh:

+ Chủ thể thực hiện là doanh nghiệp hoặc nhóm doanh nghiệp có vị trí nhất định trên thị trường.

+ Là hành vi mang tính độc lập của 1 doanh nghiệp hoặc một nhóm doanh nghiệp trên cùng một thị trường liên quan.

+ Mục đích của hành vi nhằm cản trở và làm sai lệch cạnh tranh trên thị trường.

## 1.2. Thị trường liên quan và thị phần của các doanh nghiệp

### 1.2.1. Thị trường liên quan

Theo quy định pháp luật gồm: thị trường sản phẩm liên quan và thị trường địa lí liên quan

- Thị trường sản phẩm liên quan: là thị trường của những hàng hóa, dịch vụ có thể thay thế cho nhau về đặc tính, mục đích sử dụng và giá cả.
- Thị trường địa lí liên quan: là một khu vực địa lí cụ thể trong đó có những hàng hóa, dịch vụ có thể thay thế cho nhau với các điều kiện cạnh tranh tương tự và có sự khác biệt đáng kể với các khu vực lân cận.

## 1.2.2. Xác định thị phần các doanh nghiệp

Thị phần của doanh nghiệp đối với một loại hàng hóa, dịch vụ nhất định là: tỷ lệ phần trăm giữa doanh thu bán ra của doanh nghiệp này với tổng doanh thu của tất cả các doanh nghiệp kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đó trên thị trường liên quan.

Thị phần kết hợp là: tổng thị phần trên thị trường liên quan của các doanh nghiệp tham gia vào thỏa thuận hạn chế cạnh tranh hoặc tập trung kinh tế

## 2. Nội dung điều chỉnh pháp luật đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh

### 2.1. Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh

#### 2.1.1. Khái niệm, đặc điểm thỏa thuận hạn chế cạnh tranh

- Khái niệm:

- Đặc điểm:

+ Là sự thống nhất cùng hành động của các chủ thể kinh doanh là đối thủ cạnh tranh của nhau.

+ Nội dung cá thỏa thuận tập trung vào các yếu tố cơ bản của quan hệ thị trường

+ Tác động của thỏa thuận này làm giảm, sai lệch và cản trở cạnh tranh trên thị trường

## 2.1.2. Những thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị kiểm soát

- Thỏa thuận ấn định hàng hóa, dịch vụ một cách trực tiếp hay gián tiếp
- Thỏa thuận phân chia thị trường tiêu thụ, nguồn cung cấp hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
- Thỏa thuận hạn chế hoặc kiểm soát số lượng, khối lượng sản xuất, MBHH, cung ứng dịch vụ.
- Thỏa thuận hạn chế phát triển kỹ thuật, công nghệ hạn chế đầu tư
- Thỏa thuận áp đặt cho DN khác điều kiện kí kết hợp đồng mua, bán hàng hóa dịch vụ hoặc buộc DN khác chấp nhận các nghĩa vụ không liên quan một cách trực tiếp đến đối tượng của hợp đồng
- Thỏa thuận ngăn cản, kìm hãm không cho DN khác tham gia thị trường hoặc phát triển kinh doanh.
- Thỏa thuận loại bỏ khỏi thị trường những DN không phải là các bên của thỏa thuận.
- Thông đồng để một trong các bên thắng thầu trong việc cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## 2.1.3. Nguyên tắc xử lý với các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh bị kiểm soát

- Cấm tuyệt đối:
- Cấm có điều kiện:

## 2.2. Lạm dụng vị trí thống lĩnh và vị trí độc quyền

### 2.2.1. Khái niệm, đặc điểm

- Khái niệm hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền là những hành vi mà luật Cạnh tranh cấm DN hoặc nhóm DN có vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền thực hiện.
- Đặc điểm:
  - + Là hành vi hạn chế cạnh tranh.
  - + Những hành vi này được Luật Cạnh tranh liệt kê cụ thể và cấm thực hiện
  - + Chủ thể thực hiện hành vi là DN hoặc nhóm DN có vị trí thống lĩnh hoặc DN có vị trí độc quyền trên thị trường liên quan.

## 2.2.2. Xác định vị trí thống lĩnh và độc quyền

- DN có vị trí thống lĩnh thị trường:
  - + DN có thị phần từ 30% trở lên trên thị trường liên quan.
  - + DN có khả năng gây hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể
- DN có vị trí độc quyền: nếu không có DN nào khác cạnh tranh về hàng hóa, dịch vụ mà DN đó kinh doanh trên thị trường liên quan, trong trường hợp này thị phần cả DN là 100%.

## 2.2.3. Những hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh và vị trí độc quyền bị cấm

- Nhóm hành vi lạm dụng nhằm bóc lột khách hàng.
- Nhóm hành vi lạm dụng nhằm loại bỏ đối thủ cạnh tranh.
- Nhóm hành vi có thể vừa gây thiệt hại cho đối thủ vừa gây thiệt hại cho khách hàng.

## 2.3. Tập trung kinh tế

### 2.3.1. Đặc điểm của tập trung kinh tế:

- Chủ thể của hành vi tập trung kinh tế chịu sự kiểm soát của luật Cạnh tranh là các DN hoạt động trên 1 thị trường liên quan.
- Hình thức tập trung kinh tế: sáp nhập, hợp nhất, mua lại, liên doanh giữa các doanh nghiệp hoặc hình thức khác do luật quy định.
- Hậu quả của tập trung kinh tế: hình thành các doanh nghiệp có quyền lực thị trường như DN có vị trí thống lĩnh hoặc vị trí độc quyền làm thay đổi cấu trúc và tương quan cạnh tranh trên thị trường.

## 2.3.2. Các hình thức tập trung kinh tế

- Sáp nhập DN.
- Hợp nhất DN.
- Mua lại DN.
- Liên doanh giữa các DN.

## 2.3.3. Kiểm soát việc tập trung kinh tế

- Nhóm tập trung kinh tế được tự do thực hiện
- Nhóm tập trung kinh tế cần thực hiện thủ tục thông báo.
- Nhóm tập trung kinh tế bị cấm.

# 3. Xử lý các hành vi vi phạm các quy định pháp luật về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh

## 3.1. Thẩm quyền và nguyên tắc xử lý hành vi vi phạm

- Thẩm quyền: hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh là cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm cạnh tranh.

- Nguyên tắc xử lý:

+ Đúng trình tự, thủ tục luật định.

+ Tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để, khắc phục hậu quả đúng quy định của pháp luật.

+ Một hành vi vi phạm về cạnh tranh chỉ bị xử lý một lần.

+ Những hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật hình sự

## 3.2. Các hình thức xử lý đối với hành vi vi phạm

- Hình thức xử phạt chính:
  - + Cảnh cáo.
  - + Phạt tiền.
- Hình thức xử phạt bổ sung:
  - + Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
  - + Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.
  - + Tịch thu tang vật, phương tiện đã sử dụng để vi phạm.

# CHƯƠNG III. PHÁP LUẬT VỀ HÀNH VI CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH

## 1. Khái quát pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh

1.1. Khái niệm hành vi cạnh tranh không lành mạnh

1.2. Đặc điểm của các hành vi cạnh tranh không lành mạnh

1.3. Nội dung của pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh

## 2. Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh

2.1. Chỉ dẫn gây nhầm lẫn

2.2. Hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh

## 3. Xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh

3.1. Nguyên tắc xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh

3.2. Thẩm quyền xử lý

# CHƯƠNG III. PHÁP LUẬT VỀ HÀNH VI CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH

## 1. Khái quát pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh

### 1.1. Khái niệm hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi cạnh tranh của DN trong quá trình kinh doanh trái với chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của DN khác hoặc người tiêu dùng – K4 điều 3 Luật Cạnh tranh.

## 1.2. Đặc điểm của các hành vi cạnh tranh không lành mạnh

- Chủ thể thực hiện hành vi là doanh nghiệp.
- Vi phạm mục đích của hành vi cạnh tranh trong kinh doanh là nhằm đạt được lợi thế cạnh tranh nhất định so với đối thủ cạnh tranh.
- Tính chất của hành vi trái với các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh.
- Hậu quả của hành vi là gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của DN khác hoặc người tiêu dùng.

## 1.3. Nội dung điều chỉnh của pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh

### 1.3.1. Quy định về hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Là hành vi cạnh tranh của DN trong quá trình kinh doanh trái với các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của DN khác hoặc người tiêu dùng.

### 1.3.2. Quy định hậu quả pháp lý

Được thể hiện dưới hình thức chế tài bao gồm: các yêu cầu khắc phục hậu quả.

### 1.3.3. Quy định cơ chế thực thi pháp luật

## 2. Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh

### 2.1. Chỉ dẫn gây nhầm lẫn

- Khái niệm:
- Đặc điểm:
  - + Chủ thể thực hiện hành vi chỉ dẫn gây nhầm lẫn là DN.
  - + Đối tượng của hành vi là chỉ dẫn liên quan đến các yếu tố của hàng hóa, dịch vụ của DN khác.
  - + Hành vi chỉ dẫn gây nhầm lẫn bao gồm hai loại: hành vi sử dụng chỉ dẫn gây nhầm lẫn và hành vi kinh doanh các dịch vụ, sản phẩm có sử dụng chỉ dẫn gây nhầm lẫn.
  - + Tác động làm sai lệch nhận thức của khách hàng về hàng hóa, dịch vụ.
  - + Hành vi nhằm mục đích cạnh tranh, thu hút khách hàng mua hoặc sử dụng dịch vụ có sử dụng chỉ dẫn gây nhầm lẫn

## 2.2. Hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh

- Khái niệm: Khoản 23 điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ
- Đặc điểm:
  - + Bí mật kinh doanh là thông tin chứ không phải những hiểu biết thông thường.
  - + Bí mật thông tin là loại thông tin có khả năng áp dụng trong kinh doanh và khi được sử dụng sẽ tạo cho người nắm giữ thông tin các lợi thế.
  - + Các thông tin trên được sở hữu bảo mật bằng các biện pháp bảo mật cần thiết để thông tin đó không dễ dàng tiếp cận được.

## 2.2.1. Các hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh

- Hành vi tiếp cận, thu thập thông tin thuộc bí mật kinh doanh bằng cách chống lại các biện pháp bảo mật của người sở hữu hợp pháp bí mật kinh doanh đó.
- Hành vi tiết lộ, sử dụng thông tin thuộc bí mật kinh doanh mà không được phép của chủ sở hữu bí mật kinh doanh.
- Hành vi vi phạm hợp đồng bảo mật hoặc lừa gạt lợi dụng lòng tin của người có nghĩa vụ bảo mật nhằm tiếp cận, thu thập và làm lộ thông tin thuộc bí mật kinh doanh của chủ sở hữu.
- Hành vi tiếp cận thu thập thông tin thuộc bí mật kinh doanh của người khác khi người này làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

## 2.3. Ép buộc trong kinh doanh

- Khái niệm:
- Đặc điểm:
  - + Hành vi ép buộc được thực hiện đối với khách hàng, đối tác kinh doanh của đối thủ cạnh tranh.
  - + Mục đích của hành vi là nhằm gây thiệt hại cho đối thủ cạnh tranh của mình bằng hành vi đe dọa hoặc cưỡng ép để buộc họ không giao dịch hoặc ngừng giao dịch với đối thủ cạnh tranh của mình.

## 2.4. Gièm pha doanh nghiệp khác

- Khái niệm:
- Đặc điểm:
  - + Chủ thể thực hiện là DN cạnh tranh hoặc không cạnh tranh với DN bị gièm pha
  - + Đối tượng tác động là DN cạnh tranh với DN thực hiện hành vi
  - + Phương thức vi phạm trực tiếp hoặc gián tiếp đưa ra thông tin không trung thực
  - + Thông tin không trung thực thể hiện dưới nhiều hình thức đa dạng
  - + Hậu quả gây ra ảnh hưởng xấu đến uy tín, tình trạng tài chính và kinh doanh của DN bị gièm pha

## 2.5. Hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác

- Khái niệm:
- Đặc điểm:
  - + Chủ thể thực hiện hành vi là DN cạnh tranh với DN bị gây rối
  - + Chủ thể chịu sự tác động của hành vi này là DN cạnh tranh với DN thực hiện hành vi
  - + Phương thức thực hiện hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp
  - + Các biện pháp được áp dụng rất đa dạng

## 2.6. Quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh

- Khái niệm:

- Đặc điểm:

+ Về hình thức thể hiện của quảng cáo thương mại

+ Chủ thể thực hiện hành vi quảng cáo rất đa dạng

+ Phương tiện quảng cáo đa dạng

- Các hành vi quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh

## 2.7. Khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh

- Khái niệm:
- Đặc điểm:
  - + Mục đích của khuyến mại:
  - + Đối tượng tác động của khuyến mại là khách hàng
  - + Hành vi khuyến mại không xâm hại lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia thị trường khác và lợi ích công cộng
- Các hành vi khuyến mại nhằm cạnh tranh không lành mạnh

# 3. Xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh

3.1. Nguyên tắc xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh

3.2. Thẩm quyền xử lý

3.3. Các hành vi xử lý vi phạm

# CHƯƠNG IV. CƠ QUAN QUẢN LÝ CẠNH TRANH VÀ TỔ TỤNG CẠNH TRANH

## 1. Cơ quan quản lý cạnh tranh và hội đồng cạnh tranh

1.1. Khái quát mô hình cơ quan quản lý cạnh tranh ở một số nước trên thế giới

1.2. Địa vị pháp lý của cơ quan quản lý cạnh tranh ở Việt Nam

1.3. Địa vị pháp lý của hội đồng cạnh tranh

## 2. Thủ tục tố tụng cạnh tranh theo pháp luật Việt Nam

2.1. Khái niệm, đặc điểm của tố tụng cạnh tranh

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của tố tụng cạnh tranh

2.3. Người tiến hành tố tụng cạnh tranh và người tham gia tố tụng cạnh tranh

2.4. Trình tự, thủ tục tố tụng cạnh tranh

# 1. Cơ quan quản lý cạnh tranh và hội đồng cạnh tranh

## 4.1. Khái quát về mô hình cơ quan quản lý cạnh tranh ở một số quốc gia

- Mô hình 1: Cơ quan quản lý cạnh tranh thuộc cơ quan lập pháp
- Mô hình 2: Cơ quan quản lý cạnh tranh là một bộ hoặc cơ quan ngang bộ trực thuộc Chính phủ
- Mô hình 3: Cơ quan quản lý cạnh tranh là một cục, tổng cục trực thuộc 1 bộ trong Chính phủ

## 1.2. Địa vị pháp lý của cơ quan quản lý cạnh tranh ở Việt Nam

### 1.2.1. Cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý cạnh tranh

- Ban điều tra vụ việc hạn chế cạnh tranh
- Ban giám sát và quản lý cạnh tranh
- Ban điều tra và xử lý các hành vi vi phạm
- Ban bảo vệ người tiêu dùng
- Ban xử lý chống bán phá giá
- Ban hợp tác quốc tế
- Văn phòng
- Các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Cục quản lý cạnh tranh

## 1.2.2. Chức năng và nhiệm vụ quyền hạn của cục quản lý cạnh tranh

- Nhiệm vụ, quyền hạn: Đ49 Luật Cạnh tranh
- Vị trí của cơ quan cạnh tranh: Là cơ quan trực thuộc bộ Công thương không phải là cơ quan độc lập.

# 1.3. Địa vị pháp lý của Hội đồng cạnh tranh

## 1.3.1. Vị trí pháp lý và cơ cấu tổ chức

Là cơ quan tiến hành tố tụng cạnh tranh độc lập do Chính phủ thành lập. Tổ chức xử lý, giải quyết khiếu nại đối với các vụ việc cạnh tranh liên quan đến hành vi hạn chế cạnh tranh

## 1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng cạnh tranh

- Chức năng: Là cơ quan thực thi quyền lực nhà nước độc lập , có chức năng xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh - Đ2 Nghị định 05/2006
- Nhiệm vụ và quyền hạn chủ yếu là tổ chức xử lý các vụ việc cạnh tranh

# 2 Thủ tục tố tụng cạnh tranh theo pháp luật Việt Nam

## 2.1. Khái niệm, đặc điểm của tố tụng cạnh tranh

- Khái niệm:
- Đặc điểm:
  - + Là trình tự thủ tục xử lý, giải quyết các vụ việc cạnh tranh.
  - + Thời gian tiến hành xác định.
  - + Chủ thể cử tố tụng cạnh tranh gồm 2 nhóm là người tiến hành tố tụng và tổ chức, cá nhân tham gia tố tụng.

## 2.2. Các nguyên tắc cơ bản của tổ tụng cạnh tranh

- Nguyên tắc độc lập, khách quan trong tổ tụng.
- Nguyên tắc bảo mật.
- Nguyên tắc tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức cá nhân liên quan.
- Nguyên tắc phán xét dân chủ, công khai.
- Ngôn ngữ trong tổ tụng.
- Nghĩa vụ chứng minh.

## 2.3. Người tiến hành tố tụng cạnh tranh và người tham gia tố tụng cạnh tranh

### 2.3.1. Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng cạnh tranh

- Cơ quan tiến hành tố tụng: cục quản lý cạnh tranh, hội đồng cạnh tranh
- Người tiến hành tố tụng: thủ trưởng cơ quan quản lý cạnh tranh, điều tra viên, thành viên hội đồng cạnh tranh, thư kí phiên điều trần.

### 2.3.2. Người tham gia tố tụng cạnh tranh: người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Luật sư bên khiếu nại, bên bị điều tra và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Người làm chứng
- Người giám định
- Người phiên dịch

## 2.4. Trình tự, thủ tục tổ tụng cạnh tranh

- Điều tra vụ việc cạnh tranh
- Xử lý vụ việc cạnh tranh
- Khiếu nại, khởi kiện quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh
- Xử lý vụ việc cạnh tranh sau khi kết thúc điều tra
- Khiếu nại và giải quyết khiếu nại xử lý vụ việc cạnh tranh